

少年女子

県名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位					
三重	1	勝点		1	勝点		0	勝点		0	1	6	54	107	-53	3
		V		5	V		1	V		0						
		TD		26	TD		13	TD		15						
愛知	2	勝点		0	勝点		0	勝点		0	0	9	78	99	-21	4
		V		3	V		3	V		3						
		TD		27	TD		28	TD		23						
静岡	3	勝点		1	勝点		1	勝点		0	2	16	90	68	22	2
		V		8	V		6	V		2						
		TD		37	TD		34	TD		19						
岐阜	4	勝点		1	勝点		1	勝点		1	3	20	109	57	52	1
		V		9	V		6	V		5						
		TD		43	TD		39	TD		27						
負数		20	17	9	5	代表県		岐阜県								

1 県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	(4)	V	TD
三重	小崎 菜	1	0 D					1	3	1	0	5
	星合 萌衣	2						0	2	1	0	3
	大西 玲那	3						3	1	3	0	7
	アタ ジュリア パール											
岐阜	中屋 暁	4		V5	V5		9 V				2	10
	藤 美月	5	V5	V5	V5						3	15
	宮田 遥奈	6	V5	V3	V5						3	13
	辻 すみれ	(4)	V5								1	5
		TR	15	13	15		3	4	7	1		

2 県名	氏名	No.	1	2	3	(3)	4	5	6	()	V	TD	
静岡	石川 結理	1	6 V					V5	V5	V5		3	15
	中村 莉子	2						V3	1	V5		2	9
	杉山 遥	3						2		3		0	5
	益谷 はる子	(3)							V5			1	5
愛知	置田 紗也香	4	2	2	V5		3 D				1	9	
	川嶋 理沙	5	0	V5		4					1	9	
	水野 なつ	6	3	2	V5						1	10	
	丹羽 彩恵季	()											
		TR	5	9	10	4	10	11	13				

3 県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	(5)	V	T D			
静岡	石川 結理	1	8 V				V5	V5	V5			3	15		
	中村 莉子	2					V5	V5	V0					3	10
	益谷 はる子	3					2		V5	V5				2	12
	杉山 遥	()													
三重	小崎 菜	4	4	1	V5		1 D				1	10			
	大西 玲那	5	0	0										0	0
	星合 萌衣	6	0	0	2									0	2
	ｱﾀﾞﾞｼﾞｭﾘｱﾊﾟﾙ	(5)			1									0	1
T R			4	1	8		12	10	10	5					

4 県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	(5)	V	T D			
愛知	置田 紗也香	1	3 D				3	V5	0			1	8		
	丹羽 彩恵季	2					V5		2	0				1	7
	水野 なつ	3					0		V5	3				1	8
	川嶋 理沙	()													
岐阜	中屋 暁	4	V5	3	V5		6 V				2	13			
	宮田 遥奈	5	2											0	2
	藤 美月	6	V5	V5	4									2	14
	辻 すみれ	(5)		V5	V5									2	10
T R			12	13	14		8	5	7	3					

5 県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	(5)	V	T D			
静岡	石川 結理	1	2 D				4	V5	V5			2	14		
	中村 莉子	2					2			2				0	4
	益谷 はる子	3					0		1					0	1
	杉山 遥	()													
岐阜	辻 すみれ	4	V5	V4	V5		5 V				3	14			
	宮田 遥奈	5	1											0	1
	中屋 暁	6	2		V5									1	7
	藤 美月	(5)		V5										1	5
T R			8	9	10		6	5	6	2					

6 県名	氏名	No.	1	2	3	()	4	5	6	()	V	T D			
三重	小崎 菜	1	5 V				V5	V4	V5			3	14		
	星合 萌衣	2					1	2	V3					1	6
	大西 玲那	3					V5		1					1	6
	ｱﾀﾞﾞｼﾞｭﾘｱﾊﾟﾙ	()													
愛知	置田 紗也香	4	3	V5	4		3 D				1	12			
	川嶋 理沙	5	3	V5										1	8
	水野 なつ	6	0	2	V5									1	7
	丹羽 彩恵季	()													
T R			6	12	9		11	6	9						